

Bản án số: 38/2017/HSST
Ngày: 27/7/2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Công Đồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Lan.

Ông Đinh Văn Luận.

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Dương Thu Hằng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lê Minh Sơn - Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 27 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 29/2017/HSST ngày 29 tháng 5 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Dương Văn T, sinh năm 1974. Nơi ĐKKHKT: Phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp: lao động tự do; Trình độ học vấn: 4/12; Con ông Dương Văn N và bà Nguyễn Thị C (đều đã chết); Gia đình có 04 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; có vợ là Nguyễn Thị H, sinh năm 1980 (đã ly hôn); có 03 con: lớn nhất sinh năm 1999, nhỏ nhất sinh năm 2003;

Nhân thân: Tại bản án số: 30/2009/HSST ngày 11/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Bị cáo chấp hành xong bản án ngày 31/8/2013.

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt tại phiên tòa.

2. Lương Văn S, sinh năm 1976. Nơi ĐKKHKT: Phố 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 5/12; Con ông Lương Văn T và bà Đặng Thị L (đều đã chết); Gia đình có 07 anh chị em, bị cáo là con thứ tư; có vợ là Từ Thị V, sinh năm 1981; có 02 con: lớn sinh năm 2002, nhỏ sinh năm 2006; Tiền án, tiền sự: không;

Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 22/01/2017 đến nay tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Dương Văn T:** Ông Phan Văn T, luật sư thuộc Công ty luật trách nhiệm hữu hạn Công Minh - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

*** Người bào chữa cho bị cáo Lương Văn S:** Ông Nguyễn Thế U, luật sư thuộc Văn phòng luật sư Thế Gia - Đoàn luật sư tỉnh Bắc Ninh. Có mặt.

NHẬN THẤY

Các bị cáo bị Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 16 giờ 30 phút ngày 22/01/2017, tại khu vực C thuộc phường V, thành phố B, cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B bắt quả tang Dương Văn T và Lương Văn S đang thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy. Vật chứng thu giữ:

- Thu tại túi áo da màu đen phía trong bên trái của Lương Văn S 11 túi nilon màu xanh, trong mỗi túi đều chứa 140 viên nén gồm: 139 viên nén màu đỏ và 01 viên nén màu xanh.

- Thu tại túi áo khoác bên phải hiệu US.ARMY của Dương Văn T 01 túi nilon màu xanh trong có 127 viên nén gồm: 126 viên nén màu đỏ và 01 viên nén màu xanh.

- Thu tại túi quần phía sau bên phải của T số tiền 2.000.000 đồng gồm 10 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng.

- Thu của T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng.

- Thu của S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Noika 105 màu đen và 01 điện thoại di động ITTEL màu đen.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Dương Văn T không thu giữ được gì.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lương Văn S đã thu giữ:

- Trên giá nhựa trong phòng ngủ của S 01 hộp kim loại trong có: 01 túi nilon màu trắng bên trong có chứa 07 viên nén màu xanh; 01 vỏ điện thoại Nokia màu nâu bên trong có 01 gói được bọc ngoài bằng giấy, trong có 01 lớp nilon màu đen, bên trong chứa chất bột màu trắng;

- Thu giữ tại nền nhà phòng ngủ của S 01 hộp giấy màu đen bên trong có chứa 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 11 viên nén màu xanh và 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa 04 viên nén màu xanh.

Tại bản kết luận giám định số: 193/KLGD-PC54 ngày 22/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

- Mẫu vật niêm phong trong phong bì thư gồm: 01 viên nén màu xanh và 126 viên nén màu đỏ có khối lượng 11,3694 gam; loại ma túy: chất Methamphetamine.

- Mẫu vật niêm phong trong hộp giấy gồm: 11 viên nén màu xanh và 1529 viên nén màu đỏ có khối lượng 143,6020 gam; loại ma túy: chất Methamphetamine.

Tại bản kết luận giám định số: 363/KLGD-PC54 ngày 01/3/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Bắc Ninh kết luận:

- 07 viên nén màu xanh được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M1 có trọng lượng 0,6553 gam; loại ma túy: chất Methamphetamine.

- Chất bột màu trắng được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M2 có trọng lượng 0,4174 gam; loại ma túy: chất heroin.

- 15 viên nén màu xanh được niêm phong trong phong bì thư ký hiệu M3 có trọng lượng 1,4159 gam; loại ma túy: chất Methamphetamine.

Quá trình điều tra, Dương Văn T và Lương Văn S khai nhận:

Chiều tối ngày 19/01/2017, T một mình đi ô tô khách từ nhà ở Phố 3, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa đến thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa. Tại đây, T gặp một người đàn ông (T không biết tên tuổi và địa chỉ cụ thể). Qua trò chuyện, người đàn ông này đặt vấn đề thuê T vận chuyển ma túy tổng hợp từ Thanh Hóa đến thành phố B sẽ có người nhận ma túy và hứa trả công 8.000.000 đồng, T đồng ý. Sau đó, người đàn ông này hẹn T tối ngày 21/01/2017 sẽ giao ma túy cho T vận chuyển. Khi thỏa thuận xong, T về nhà. Đến chiều tối ngày 21/01/2017, T lại đón ô tô khách một mình từ nhà đến thị trấn L để nhận ma túy từ người đàn ông đã thuê T vận chuyển ma túy. Người đàn ông đó đã đưa cho T 01 chiếc túi nylon màu đỏ bên trong có 12 túi nylon màu xanh chứa các viên ma túy tổng hợp và ứng trước cho T 3.000.000 đồng, sau khi vận chuyển ma túy xong sẽ thanh toán nốt số tiền công còn lại là 5.000.000 đồng. T mang số ma túy này đi về, khi cách nhà khoảng 6km thì T giấu túi ma túy vào một hốc đá ven đường rồi đi về nhà. Sáng ngày 22/01/2017, T gặp Lương Văn S tại thị trấn L. T rủ S đi thành phố B chơi, S đồng ý, T và S thuê xe taxi đi qua nơi cất giấu ma túy, T xuống xe lấy túi ma túy mang lên xe rồi cùng S đi về thành phố B. Khoảng 16 giờ ngày 22/01/2017, T và S đến khu vực Cầu Ngà, phường Vân Dương, thành phố B, tỉnh Bắc Ninh. Lúc này, T và S xuống xe, T thanh toán hết 1.000.000 đồng tiền xe taxi rồi cả hai vào một quán nước ven đường ngồi uống nước chờ người đến nhận ma túy. Tại đây, T nói cho S biết là T đang vận chuyển thuê ma túy và sẽ được trả công 8.000.000 đồng, đã được tạm ứng 3.000.000 đồng, T rủ S cùng tham gia vận chuyển thuê ma túy và thỏa thuận sẽ cùng sử dụng chung số tiền công vận chuyển ma túy, S đồng ý. Sau đó, T lấy trong chiếc túi nylon màu đỏ ra 11 túi nylon màu xanh bên trong có các viên ma túy tổng hợp đưa cho S cất giấu vào trong túi áo khoác phía trong bên trái mà S đang mặc. Còn lại 01 túi nylon màu xanh bên trong có các viên ma túy tổng hợp, T cất vào bên trong túi áo khoác của mình. Trong lúc cả hai đang ngồi chờ người đến nhận ma túy thì bị lực lượng công an bắt quả tang và thu giữ toàn bộ vật chứng. S không biết T vận chuyển bao nhiêu túi ma túy, chỉ biết nhận 11 túi ma túy mà T đưa cho.

Đối với số ma túy thu giữ tại nhà S, S khai: vào ngày 15/01/2017, trong khi dọn dẹp quán ăn của gia đình tại Phố 1, thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa thì S nhặt được 01 chiếc túi nylon màu đen của ai đó đánh rơi dưới gầm bàn ăn. S mở ra thì thấy bên trong túi có 01 hộp kim loại, trong hộp kim loại có: 01 túi nylon màu trắng bên trong có chứa 07 viên nén màu xanh; 01 vỏ điện thoại Nokia màu nâu bên trong có 01 gói được bọc ngoài bằng giấy, trong có 01 lớp nylon màu đen, bên trong chứa chất bột màu trắng; 01 túi nylon màu trắng bên trong chứa 11 viên nén màu xanh và 01 túi nylon màu trắng bên trong chứa 04 viên nén màu xanh. S biết tất cả các viên nén màu xanh và chất bột màu trắng

trong túi đều là ma túy vì S mắc nghiện ma túy. Sau đó, S đem số ma túy này cất giấu tại phòng ngủ của S với mục đích để sử dụng dần.

Tại bản cáo trạng số: 45/Ctr-VKS-P1 ngày 26/5/2017 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh đã truy tố bị cáo Dương Văn T về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự. Truy tố Lương Văn S về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015).

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo T và bị cáo S đã khai nhận toàn bộ hành vi của mình như đã nêu trên và thừa nhận cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng người, đúng tội. Hai bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh thực hành quyền công tố tại phiên tòa sau khi phân tích tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội của các bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử tuyên xử hai bị cáo theo tội danh mà bản Cáo trạng đã truy tố và đề nghị:

- Áp dụng điểm e khoản 3, khoản 5 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Dương Văn T từ 17 đến 18 năm tù. Phạt bị cáo từ 5 đến 10 triệu đồng sung công quỹ nhà nước.

- Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (Điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015) điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 50; Điều 33 Bộ luật hình sự, xử phạt bị cáo Lương Văn S từ 15 đến 16 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”, từ 1 đến 2 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung từ 17 đến 18 năm tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với S.

Đại diện Viện kiểm sát cũng đề nghị tịch thu tiêu hủy tang vật, tịch thu sung công và trả lại vật chứng.

Luật sư Phan Văn Thương bào chữa cho bị cáo T và luật sư Nguyễn Thế Uyên bào chữa cho bị cáo S nhất trí với quan điểm của Viện kiểm sát về tội danh và điều luật áp dụng. Các luật sư chỉ đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Thành và S theo nguyên tắc có lợi cho hai bị cáo.

Hai bị cáo Thành và S không tham gia tranh luận, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, ý kiến của các bị cáo và của những người tham gia tố tụng khác.

XÉT THẤY

Bị cáo Dương Văn T đã có hành vi vận chuyển thuê ma túy từ thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa đến khu C, phường V, thành phố B với mục đích để

được nhận tiền công. Số lượng ma túy mà T nhận vận chuyển thuê là 12 túi nilon, trong mỗi túi đều chứa các viên ma túy tổng hợp là viên nén màu xanh và màu đỏ. Theo kết luận giám định, chất ma túy mà T vận chuyển thuê là chất Methamphetamine, có tổng khối lượng là 11,3694 gam + 143,6020 gam = 154,6714 gam. Đối chiếu với quy định của Bộ luật hình sự thì hành vi của Dương Văn T đã phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo Lương Văn S: lúc đầu, S chỉ được T rủ đi thành phố B chơi nên S không biết hành vi của T đang vận chuyển trái phép chất ma túy. Nhưng khi đến thành phố B, T đã nói rõ cho S biết việc T đang vận chuyển thuê ma túy và T rủ S cùng tham gia để cùng nhau sử dụng số tiền công sẽ được trả và S đã đồng ý. Sau đó T đã đưa cho S 11 túi nilon trong mỗi túi đều có chứa các viên ma túy tổng hợp để S cất giấu vào trong túi áo khoác của S. S không biết T nhận vận chuyển bao nhiêu ma túy, chỉ biết nhận của T 11 túi ma túy nên S chỉ phải chịu trách nhiệm hình sự về số lượng ma túy mà S nhận cất giấu là 11 túi. Theo kết luận giám định khối lượng ma túy mà S vận chuyển trái phép là 143,6020 gam chất Methamphetamine. Hành vi của Lương Văn S cũng phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm e khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự. Ngoài ra, Lương Văn S còn có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy tại nơi ở của mình với mục đích để sử dụng vì S là người nghiện ma túy. Khối lượng chất ma túy mà S tàng trữ trái phép là 2,0712 gam chất Methamphetamine và 0,4174 gam chất heroin. Do vậy, S còn phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Hành vi phạm tội của T và S là đặc biệt nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ heroin và Methamphetamine là các chất ma túy nằm trong danh mục các chất tuyệt đối cấm sử dụng trong đời sống xã hội. Việc sử dụng các chất này sẽ gây ảo giác cho người sử dụng, nếu dùng liều lượng cao có thể dẫn tới trụy tim và tử vong. Ngoài tác hại trực tiếp đến sức khỏe người sử dụng, tệ nạn ma túy còn gây suy yếu giống nòi, là nguyên nhân dẫn đến nhiều loại tội phạm nguy hiểm khác như giết người, cướp của. Vì vậy, Nhà nước đã nghiêm cấm việc sản xuất, tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép các chất ma túy. Nhưng vì háms lợi từ khoản tiền công vận chuyển sẽ được trả mà các bị cáo đã bất chấp để thực hiện hành vi vận chuyển trái phép chất ma túy với khối lượng lớn. Do vậy cần phải có mức hình phạt nghiêm khắc đối với các bị cáo.

Xét vai trò, nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy: trong vụ án này, bị cáo T giữ vai trò chính do T là người trực tiếp nhận vận chuyển thuê ma túy, sau đó T còn rủ S cùng tham gia. T lại là người có nhân thân xấu, đã từng bị kết án về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”, lần phạm tội này của bị cáo tuy không bị coi là tái phạm nguy hiểm vì bị cáo đã chấp hành xong bản án số: 30/2009/HSST ngày 11/5/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xử phạt 07 năm tù về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” vào ngày 31/8/2013. Theo qui định tại điểm c khoản 2 Điều 70 Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo đã đương nhiên được xóa án tích. Tuy nhiên bị cáo Thành tiếp tục phạm tội đặc biệt nghiêm trọng do cố ý. Do vậy, phải có mức hình phạt nghiêm

khắc, cách ly T ra khỏi đời sống xã hội một thời gian dài mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Đối với bị cáo S có vai trò đứng sau T, S không tham gia vận chuyển ma túy ngay từ đầu mà khi đến thành phố B, T mới nói cho S biết và rủ S cùng tham gia, khối lượng ma túy mà S vận chuyển trái phép cũng ít hơn T. Khi mở rộng điều tra còn phát hiện S phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Xét thấy, bị cáo S chưa có tiền án, tiền sự nên mức hình phạt đối với S cần thấp hơn T nhưng cũng phải cách ly bị cáo khỏi đời sống xã hội một thời gian dài. Cả hai bị cáo T và S đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ là đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Các bị cáo đều là lao động tự do, không có nghề nghiệp và không có thu nhập ổn định, bị cáo S còn là đối tượng nghiện ma túy, gia đình thuộc diện hộ cận nghèo, bị cáo Thành ly hôn nuôi cả 3 con nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

* Về tang vật của vụ án: Toàn bộ tang vật là mẫu vật còn lại sau giám định cần tịch thu tiêu hủy. Đối với 01 chiếc điện thoại di động thu giữ của T và 03 chiếc điện thoại di động thu giữ của S cần trả lại cho các bị cáo vì không liên quan đến việc các bị cáo thực hiện tội phạm.

- Số tiền 2.000.000 đồng thu giữ của T là số tiền mà T được trả trước một phần tiền công vận chuyển, là tiền thu lời bất chính nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

Đối với người đàn ông ở thị trấn L, huyện L, tỉnh Thanh Hóa là người đã thuê T vận chuyển chất ma túy do T không biết tên tuổi và địa chỉ cụ thể của người đàn ông này nên không có căn cứ để xử lý. Còn đối với người lái xe taxi, T và S cũng không biết họ tên và địa chỉ của lái xe, không nhớ đã thuê taxi của hãng nào, mặt khác người lái taxi cũng không biết việc T đang vận chuyển ma túy nên cũng không có căn cứ để xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

* Tuyên bố bị cáo Dương Văn T phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy”. Bị cáo Lương Văn S phạm tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.

* Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; Điều 33; Điều 53 Bộ luật hình sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt Dương Văn T 17 (Mười bảy) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2017. Quyết định duy trì Lệnh tạm giam số: 77/2017/HSST - LTG ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đối với bị cáo Dương Văn T để bảo đảm thi hành án.

* Áp dụng điểm e khoản 3 Điều 194; khoản 1 Điều 194 (điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật hình sự năm 2015); điểm p khoản 1 Điều 46; khoản 2 Điều 46; Điều 33; Điều 50; Điều 53 Bộ luật hình sự; Điều 228 Bộ luật tố tụng hình sự: Xử phạt Lương Văn S 15 năm tù về tội “Vận chuyển trái phép chất ma túy” và 01 năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo S phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 16 (Mười sáu) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 22/01/2017. Quyết định duy trì Lệnh tạm giam số: 78/2017/HSST - LTG ngày 19/6/2017 của Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh đối với bị cáo Lương Văn S để bảo đảm thi hành án.

* Áp dụng Điều Điều 41, 42 Bộ luật hình sự; Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy 01 túi giấy niêm phong đựng mẫu vật còn lại sau giám định, niêm phong còn nguyên vẹn, một mặt có ghi chữ: “Kính gửi: Cơ quan CSĐT – Công an thành phố B. Mẫu vật còn lại sau giám định kèm theo kết luận giám định số 193/KLGD-PC54 ghi ngày 22/01/2017 của Phòng kỹ thuật hình sự - CAT Bắc Ninh”. 01 phong bì giấy niêm phong còn nguyên vẹn, mặt trước có ghi chữ: “Cơ quan CSĐT – CATP Bắc Ninh. Mẫu vật còn lại sa giám định kèm theo KLGD số 363/KLGD-PC54 ghi ngày 01/3/2017 của PC54”.

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 2.000.000 đồng (Hai triệu) gồm 10 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng đã thu trong túi quần của Dương Văn T.

Trả lại bị cáo Dương Văn T 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu vàng đã cũ. Trả lại bị cáo Lương Văn S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110i đã cũ, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu đen đã cũ và 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đen đã cũ.

Các tài sản, vật chứng trên theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản số: 35/CTHA ngày 25/5/2017 và số: 51/CTHA ngày 27/7/2017 của Cục thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

* Các bị cáo Dương Văn T và Lương Văn S mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

* Các bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND cấp cao;
- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- PV27; PC 81 CA tỉnh Bắc Ninh;
- Trại tạm giam CA tỉnh Bắc Ninh;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Công Đồng